

Bản án số: 323/2018/LĐ-ST
Ngày: 24-10-2018
V/v tranh chấp về trường hợp bị đơn
phương chấm dứt hợp đồng lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Phương Châm

Bà Nguyễn Thị Linh Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Minh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Diệu Thương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2018/TLST-LĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4020/2018/QĐXXST-LĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 4572/2018/QĐST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2018 và số 5142/2018/QĐST-LĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1969

Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thụy A, sinh năm 1969, địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 11 năm 2013)

- Bị đơn: Công ty Cổ phần X

Địa chỉ trụ sở: Đường D, Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Tổng Thị Thu N, sinh năm 1993, địa chỉ: Đường H, Phường I, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 4 năm 2018)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 15 tháng 11 năm 2013, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn L và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thụy A đều trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn là Công ty Cổ phần X có ký Hợp đồng lao động ngày 15 tháng 3 năm 2004, loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn, từ ngày 15 tháng 3 năm 2004; Lương chính lái xe con bậc 1/3, hệ số 1.7; Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế: Người lao động đóng 6% tiền lương, người sử dụng lao động đóng 17% tiền lương.

Ngày 01 tháng 5 năm 2011, bị đơn có Văn bản điều chỉnh mức lương gộp của nguyên đơn hàng tháng là 5.640.000 đồng/tháng, đã bao gồm phụ cấp tiền cơm trưa, thuế thu nhập cá nhân và các trách nhiệm trích nộp (của cá nhân) theo Luật hiện hành.

Ngày 15 tháng 10 năm 2012, bị đơn có Thông báo số 419-12/TB-DC thông báo nguyên đơn được giải quyết nghỉ việc kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2012. Ngày 13 tháng 12 năm 2012, bị đơn có Quyết định số 151-12/QĐ-DC chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2012; Nguyên đơn được hưởng 9.607.500 đồng tiền trợ cấp thôi việc.

Nguyên đơn đã nhận 9.607.500 đồng tiền trợ cấp thôi việc do bị đơn trả và đã nhận tiền trợ cấp thất nghiệp do cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả.

Nguyên đơn cho rằng bị đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 151-12/QĐ-DC ngày 13 tháng 12 năm 2012 buộc bị đơn nhận nguyên đơn trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết, trả tiền lương những ngày nguyên đơn không được làm việc tạm tính từ ngày 15 tháng 12 năm 2012 đến ngày 15 tháng 10 năm 2018 là 5.640.000 đồng/tháng x 70 tháng = 394.800.000 đồng cộng với hai tháng tiền lương là 11.280.000 đồng và buộc bị đơn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày nguyên đơn không được làm việc.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bà Tổng Thị Thu N là người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Bị đơn xác nhận có ký Hợp đồng lao động ngày 15 tháng 3 năm 2004 không xác định thời hạn và mức lương bị đơn trả cho nguyên đơn là 5.640.000 đồng/tháng.

Ngày 19 tháng 10 năm 2012, bị đơn điều chuyển nguyên đơn ra Hà Nội làm việc nhưng nguyên đơn không đồng ý. Sau đó, hai bên có thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động và ngày 15 tháng 10 năm 2012, bị đơn có Thông báo số 419-12/TB-DC thông báo nguyên đơn được giải quyết nghỉ việc kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2012. Ngày 13 tháng 12 năm 2012, bị đơn có Quyết định số 151-12/QĐ-DC chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2012. Do đó, bị đơn không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với nguyên đơn.

Khi cho nguyên đơn nghỉ việc, bị đơn đã trả cho nguyên đơn 9.607.500

đồng tiền trợ cấp thôi việc.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bị đơn là Công ty Cổ phần X, địa chỉ trụ sở: Đường D, Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do các bên xuất trình có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: Nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng lao động ngày 15 tháng 3 năm 2004, loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn, từ ngày 15 tháng 3 năm 2004; Lương chính lái xe con bậc 1/3, hệ số 1.7; BHXH và BHYT: Người lao động đóng 6% tiền lương, người sử dụng lao động đóng 17% tiền lương. Ngày 01 tháng 5 năm 2011, bị đơn có Văn bản điều chỉnh mức lương gộp của nguyên đơn hàng tháng là 5.640.000 đồng/tháng, đã bao gồm phụ cấp tiền cơm trưa, thuế thu nhập cá nhân và các trách nhiệm trích nộp (của cá nhân) theo Luật hiện hành. Ngày 15 tháng 10 năm 2012, bị đơn có Thông báo số 419-12/TB-DC thông báo nguyên đơn được giải quyết nghỉ việc kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2012. Ngày 13 tháng 12 năm 2012, bị đơn có Quyết định số 151-12/QĐ-DC chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2012.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 151-12/QĐ-DC ngày 13 tháng 12 năm 2012:

[4] Theo Thông báo số 419-12/TB-DC ngày 15 tháng 10 năm 2012 thì căn cứ tinh thần buổi trao đổi giữa Tổng Giám đốc công ty, đại diện công đoàn, phòng nhân sự với nguyên đơn ngày 09 tháng 10 năm 2012 về việc bố trí nguyên đơn làm việc tại công trường R7; kết quả phản hồi của nguyên đơn với phòng nhân sự ngày 15 tháng 10 năm 2012 về việc không thể nhận nhiệm vụ mới, bị đơn thông báo nguyên đơn được giải quyết nghỉ việc kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2012. Ngày 13 tháng 12 năm 2012, bị đơn có Quyết định số 151-12/QĐ-DC chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2012. Như vậy, lý do bị đơn chấm dứt hợp đồng với nguyên đơn không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 36, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Lao động năm 2012.

[5] Tại phiên tòa, bị đơn cho rằng giữa nguyên đơn và bị đơn có văn bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho ý kiến trình bày của mình. Căn cứ quy định tại

khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[6] Từ những phân tích trên, Quyết định số 151-12/QĐ-DC ngày 13 tháng 12 năm 2012 của bị đơn về việc chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn là trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn hủy bỏ quyết định này.

[7] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn nhận nguyên đơn trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết, trả tiền lương những ngày nguyên đơn không được làm việc tạm tính từ ngày 15 tháng 12 năm 2012 đến ngày 15 tháng 10 năm 2018 là $5.640.000 \text{ đồng/tháng} \times 70 \text{ tháng} = 394.800.000 \text{ đồng}$ cộng với hai tháng tiền lương là 11.280.000 đồng và buộc bị đơn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày nguyên đơn không được làm việc, Hội đồng xét xử nhận định:

[8] Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Lao động năm 2012, do bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải nhận nguyên đơn trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết, trả tiền lương những ngày nguyên đơn không được làm việc tính từ ngày 15 tháng 12 năm 2012 đến ngày 15 tháng 10 năm 2018 là $5.640.000 \text{ đồng/tháng} \times 70 \text{ tháng} = 394.800.000 \text{ đồng}$ cộng với hai tháng tiền lương là 11.280.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[9] Thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động bị gián đoạn do người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày nguyên đơn không được làm việc là có cơ sở để được chấp nhận. Đồng thời, nguyên đơn phải cùng có trách nhiệm đóng phần bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật đối với người lao động.

[10] Đối với 9.607.500 đồng tiền trợ cấp thôi việc nguyên đơn đã nhận của bị đơn, do các bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[11] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.121.600 đồng đối với yêu cầu bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật và 2.521.080 đồng đối với yêu cầu đóng bảo hiểm cho nguyên đơn trong thời gian nguyên đơn không được làm việc theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

Hủy Quyết định số 151-12/QĐ-DC ngày 13 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần X về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Nguyễn Văn L.

Buộc Công ty Cổ phần X phải nhận ông Nguyễn Văn L trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết, trả tiền lương những ngày ông Nguyễn Văn L không được làm việc từ ngày 15 tháng 12 năm 2012 đến ngày 15 tháng 10 năm 2018 là 5.640.000 đồng/tháng x 70 tháng = 394.800.000 đồng cộng với hai tháng tiền lương là 11.280.000 đồng.

Buộc Công ty Cổ phần X (là người sử dụng lao động) và ông Nguyễn Văn L (là người lao động) phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông Nguyễn Văn L trong thời gian không được làm việc, theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí sơ thẩm: Công ty Cổ phần X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.642.680 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trương Thị Quỳnh Trâm